

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018, dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018:

Năm 2018 là năm thứ 3 triển khai thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020. Bước vào triển khai thực hiện nhiệm vụ, bên cạnh những thuận lợi vẫn còn những khó khăn, thách thức như: tình hình thời tiết diễn biến bất thường, nước lũ ở mức cao, sạt lở bờ sông diễn biến phức tạp, ngành chăn nuôi thiếu ổn định... đã tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, cùng sự nỗ lực của các ngành, các cấp, doanh nghiệp và nhân dân nên việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2018 của tỉnh có những chuyển biến tích cực, đạt mức tăng trưởng khá và cao hơn so với cùng kỳ năm 2017; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nhìn chung vẫn ổn định; các chính sách an sinh xã hội được triển khai thực hiện tốt. Đối với việc thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 thì đạt được những kết quả cụ thể như sau:

I. Về thu ngân sách nhà nước:

1. Đánh giá thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Tổng thu từ kinh tế địa bàn ước thực hiện là 5.866 tỷ đồng, đạt 107,73% dự toán trung ương giao, đạt 102,91% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 98,54% so cùng kỳ; bao gồm:

1.1. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 166 tỷ đồng, đạt 103,75% dự toán, bằng 99,77% so cùng kỳ.

1.2. Thu nội địa: 5.700 tỷ đồng, đạt 102,89% dự toán, bằng 98,50% so cùng kỳ.

Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2018 vượt dự toán năm, có 13 khoản thu đạt và vượt dự toán, như : thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; thuế ngoài quốc doanh; lệ phí trước bạ; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế bảo vệ môi trường; thu phí và lệ phí; thu tiền sử dụng đất; thu tiền cho thuê đất; các khoản thu tại xã; thu khác ngân sách; thu cấp quyền khai thác khoáng sản; thu xổ số kiến thiết và thu cổ tức và lợi nhuận được chia. 03 khoản thu chưa đạt dự toán là : thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương; thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương và thuế thu nhập cá nhân.

2. Đánh giá thu ngân sách nhà nước các cấp:

2.1. Cấp tỉnh: 4.040 tỷ đồng, đạt 100,22% dự toán, bằng 103% so cùng kỳ.

2.2. Cấp huyện, thị xã, thành phố : 1.826 tỷ đồng, đạt 109,42% dự toán, bằng 95% so cùng kỳ; trong đó 11/11 huyện, thị xã, thành phố đạt và vượt dự toán năm: Thoại Sơn 143,58%, Tân Châu 135,59%, Châu Phú 120,46%, Tri Tôn 109,66%, Tịnh biên 105,93%, Long Xuyên 105,78%, An Phú 103,33%, Châu Đốc 103,21%, Chợ Mới 102%, Châu Thành 101,12%, Phú Tân 100,67%.

3. Kết quả thu ngân sách đạt được chủ yếu là do các yếu tố sau:

- Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

- Được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy Đảng, UBND các cấp, sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, các ngành, các cấp có liên quan trong tổ chức và thực hiện các biện pháp quản lý, đôn đốc, tuyên truyền, vận động người dân và doanh nghiệp làm tròn nghĩa vụ thuế với nhà nước. Bên cạnh đó, Ban chỉ đạo chống thất thu ngân sách đã triển khai kịp thời các giải pháp chống thất thu thuế, đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế.

- Tiến độ kê khai và đôn đốc nộp thuế được thực hiện tích cực. Ngành Thuế triển khai thực hiện công tác quyết toán thuế đúng thời gian quy định, huy động kịp thời các khoản thuế phát sinh vào ngân sách.

- Công tác thanh tra, kiểm tra thuế cũng được triển khai tích cực ngay từ đầu năm, từ đó góp phần chống thất thu ngân sách và chấn chỉnh, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

4. Thu ngân sách địa phương được hưởng là 13.488 tỷ đồng, gồm:

- Thu từ kinh tế địa bàn : 5.179 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương : 8.309 tỷ đồng.

II. Về chi ngân sách địa phương:

Năm 2018, được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, ngành tài chính đã tập trung huy động các nguồn lực tài chính đảm bảo đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ chi đã được bố trí trong dự toán đầu năm cho các ngành, các cấp; thực hiện kịp thời các chế độ chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội, an sinh xã hội, đảm bảo cho chi đầu tư xây dựng cơ bản, an ninh quốc phòng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị địa phương.

1. Ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2018: 13.458 tỷ đồng, đạt 101,28% dự toán năm, bằng 113,49% so cùng kỳ, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 4.618 tỷ đồng, đạt 102,61% dự toán, bằng 130% so cùng kỳ.

- Chi thường xuyên: 8.839 tỷ đồng, đạt 103,2% dự toán, bằng 106,27% so cùng kỳ; tăng so dự toán HĐND tỉnh giao là do tăng các khoản chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu và dự phòng ngân sách để thực hiện các chính sách về an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, khắc phục thiên tai, phòng chống dịch bệnh,....

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,2 tỷ đồng, đạt 100% dự toán, bằng 100% so cùng kỳ.

2. Đánh giá chi ngân sách địa phương các cấp:

- Cấp tỉnh: 7.281 tỷ đồng, đạt 98,2% dự toán, bằng 119% so cùng kỳ.

- Cấp huyện: 6.177 tỷ đồng, đạt 105,16% dự toán, bằng 98% so cùng kỳ; hầu hết các huyện, thị xã, thành phố chi ngân sách địa phương đạt từ 100% đến 113% dự toán, tăng so dự toán do chi thực hiện các chính sách, nhiệm vụ được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương và dự phòng ngân sách như đã nêu.

3. Chi từ dự phòng ngân sách cấp tỉnh:

Nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2018 được HĐND tỉnh giao trong dự toán là 107 tỷ đồng. UBND tỉnh đã quyết định chi 59,6 tỷ đồng, gồm: bổ sung cho công tác đảm bảo an ninh, quốc phòng 50,4 tỷ đồng, chi phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm: 9,2 tỷ đồng.

4. Đánh giá về điều hành và thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương:

Công tác quản lý và điều hành ngân sách năm 2018 đạt kết quả tốt, đảm bảo đáp ứng đầy đủ, kịp thời các yêu cầu, nhiệm vụ chi theo dự toán đã được bố trí như: chi cho con người, hoạt động bộ máy các cấp, tiến độ rút trợ cấp ngân sách đối với các huyện, kinh phí trợ cấp cho các đối tượng chính sách, các đối tượng bảo trợ xã hội, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản; ngoài ra còn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chi đột xuất theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh như: chi hỗ trợ khắc phục thiên tai, dịch bệnh, bổ sung kinh phí an ninh, quốc phòng.... Bên cạnh đó, tình hình tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh và ngân sách các huyện, thị xã, thành phố luôn đảm bảo mức tồn quỹ để chi kịp thời cho các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách như thiên tai, dịch bệnh, an ninh quốc phòng,....

III. Tình hình vay đầu tư của ngân sách tỉnh:

Dư nợ vay đầu năm 2018 là 531 tỷ đồng (Vay ngân hàng phát triển), trả nợ trong năm 151,5 tỷ đồng, ước phát sinh vay trong năm 7,9 tỷ đồng, dư nợ vay cuối năm 2018 là 387,4 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Vay đầu tư kiên cố hóa kênh mương: dư nợ vay đầu năm là 190 tỷ đồng, trả nợ trong năm là 91,5 tỷ đồng, dư nợ vay cuối năm 98,5 tỷ đồng.

- Vay đầu tư tôn nền cụm, tuyến dân cư vượt lũ: Dư nợ vay đầu năm là 341 tỷ đồng; trả nợ trong năm là 60 tỷ đồng, dư nợ vay đến cuối năm là 281 tỷ đồng.

- Vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ 7,9 tỷ đồng.

B. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019:

I. Mục tiêu, định hướng:

Năm 2019 là năm thứ 4 thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước 5 năm 2016 – 2020 của tỉnh, là năm thứ 3 giai đoạn ổn định ngân sách nhà nước 2017 – 2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015; theo đó, định hướng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước:

- Căn cứ mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, trên cơ sở dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế và nguồn thu năm 2019 đối với từng ngành, lĩnh vực, các cơ sở kinh tế của từng địa phương và những nguồn thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu, từng khoản thu.

- Đề ra các biện pháp và lộ trình cụ thể để xử lý các khoản nợ đọng thuế; chống thất thu, trốn lậu thuế và gian lận thương mại; tăng cường thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

- Khai thác, quản lý nguồn thu theo Luật định, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư sản xuất kinh doanh; khai thác tốt các nguồn thu về đất để đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị.

2. Về chi ngân sách địa phương:

Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ quan trọng, cần thiết và khả năng triển khai thực hiện trong năm 2019. Chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

2.1. Chi đầu tư phát triển:

Bố trí kế hoạch vốn đầu tư phát triển theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị định của Chính phủ; Nghị quyết và Quyết định của HĐND, UBND tỉnh về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020.

Bố trí dự toán chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, chuẩn bị mặt bằng xây dựng, trong đó:

- Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất do tỉnh quản lý thu trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (trừ số thu tiền bán nền cụm tuyến dân cư vượt lũ để trả nợ vay và các lô đất quốc phòng, an ninh chuyển sang mục đích phát triển kinh tế) sử dụng 30% bổ sung Quỹ phát triển đất của tỉnh và 10% chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, số còn lại hỗ trợ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đầu tư theo chủ trương của tỉnh.

- Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất do huyện quản lý thu sử dụng 10% chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, số còn lại (kể cả khoản hỗ trợ từ số thu tiền sử dụng đất của tỉnh) dành tối thiểu 80% để tập trung đầu tư xây dựng nông thôn mới theo lộ trình, đề án của huyện.

Theo đó tổng chi đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng 30% tổng chi ngân sách; ưu tiên tập trung vốn đầu tư cho các công trình giáo dục và đào tạo, y tế, xây dựng nông thôn mới, thanh toán tạm ứng và trả nợ khối lượng các năm trước, trả nợ vay đầu tư.

2.2. Chi thường xuyên:

Xây dựng dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực theo đúng định mức phân bổ dự toán chi ngân sách và các chính sách, chế độ, định mức hiện hành; ưu tiên chi cho con người, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, ... đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Theo đó tổng chi thường xuyên chiếm tỷ trọng 68,27% tổng chi ngân sách; trong đó: sự nghiệp giáo dục, đào tạo chiếm tỷ trọng 41,18% tổng chi thường xuyên; sự nghiệp y tế chiếm tỷ trọng 11,44% tổng chi thường xuyên. Cụ thể phương án phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2019 như sau:

Dự toán chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, được xác định trên cơ sở định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2017 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách), đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương và tỉnh ban hành, trong đó chi con người được tính theo mức tiền lương cơ sở 1.390.000 đồng/tháng. Ngoài ra, bố trí thêm các nhiệm vụ chi theo chủ trương của tỉnh và khả năng cân đối ngân sách, cụ thể như sau:

- Sự nghiệp kinh tế: bố trí kinh phí quy hoạch (chuyển tiếp), kiến thiết đô thị, kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí cho các ngành và địa phương, kinh phí cho công tác xử phạt an toàn giao thông, phân bổ kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa cho các huyện, thị xã, thành phố tương đương 50% dự toán trung ương giao, phần còn lại giữ ở ngân sách tỉnh để thực hiện các dự án đã được phê duyệt, đầu tư có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố theo Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2025.

- Chi quản lý hành chính: bố trí kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn đối với các cơ quan nhà nước, Đảng, Đoàn thể.

- Chi an ninh, quốc phòng: tiếp tục bố trí kinh phí giữ gìn an ninh trật tự khi ngừng thu Quỹ quốc phòng an ninh; hỗ trợ tiền ăn cho các lực lượng công an, quân sự tại xã.

- Chi sự nghiệp môi trường: Bố trí vốn đối ứng thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo chủ trương của tỉnh; bố trí kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố ký hợp đồng dịch vụ công ích với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Môi trường đô thị An Giang.

- Chi ngân sách xã: bố trí kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” theo định mức quy định tại Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Cụ thể: Kinh phí đảm bảo thực hiện cuộc vận động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là 20 triệu đồng/xã; đối với các xã thuộc vùng khó

khẩn và đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là 25 triệu đồng/xã; bố trí kinh phí cho Ban Vận động Khóm, áp bình quân 06 triệu đồng/Khóm, áp, đối với các Khóm, áp của các xã thuộc vùng khó khăn và xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn bố trí 07 triệu đồng/Khóm, áp;

Hỗ trợ kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng cấp xã, mỗi ban 12 triệu đồng.

2.3. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: theo số Bộ Tài chính giao 1,2 tỷ đồng bằng 100% dự toán 2018.

2.4. Dự phòng ngân sách các cấp: bố trí 2% trên tổng chi cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm các khoản chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu).

II. Về nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019:

1. Nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước ngân sách nhà nước:

- Trung ương giao: tổng thu ngân sách nhà nước từ kinh tế địa bàn là 5.979,5 tỷ đồng, gồm: thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 176,5 tỷ đồng, thu nội địa 5.803 tỷ đồng.

- Dự toán trình HĐND tỉnh: tổng thu ngân sách nhà nước từ kinh tế địa bàn là 6.080 tỷ đồng, bao gồm:

1.1. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu : 176,5 tỷ đồng, tăng 6,33% so ước thực hiện 2018;

1.2. Thu nội địa: 5.903,5 tỷ đồng, tăng 3,57% so ước thực hiện 2018, nếu không kể thu xổ số kiến thiết, tiền sử dụng đất thì tăng 8,79% so ước thực hiện năm 2018.

Tổng thu ngân sách địa phương được hưởng : 13.474 tỷ đồng, gồm:

- Thu từ kinh tế địa bàn : 5.244 tỷ đồng.
- Thu bổ sung cân đối ngân sách : 6.119 tỷ đồng.
- Bổ sung tiền lương : 341 tỷ đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách TW : 1.770 tỷ đồng.

2. Nhiệm vụ chi ngân sách địa phương:

- Trung ương giao: tổng chi ngân sách địa phương năm 2019 là 13.356 tỷ đồng.

- Dự toán trình HĐND tỉnh: 13.456 tỷ đồng, tăng 1,27% so dự toán năm 2018, bao gồm:

2.1. Chi đầu tư phát triển: 4.034 tỷ đồng, bằng 89,65% so dự toán năm 2018 (không có vốn trái phiếu Chính phủ), trong đó:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 4.010 tỷ đồng, bằng 90,87% so dự toán năm 2018, trong đó:

- + Chi từ nguồn vốn tập trung trong nước : 1.228 tỷ đồng.
- + Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất : 270 tỷ đồng.
- + Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết : 1.430 tỷ đồng.
- + Chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu : 1.082 tỷ đồng.
- Chi bổ sung vốn điều lệ Quỹ Bảo vệ môi trường 20 tỷ đồng.

2.2. Chi thường xuyên: 9.187 tỷ đồng, tăng 7,27% so dự toán 2018, trong đó: chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo: 3.784 tỷ đồng, cao hơn dự toán trung ương giao 95 tỷ đồng, tăng 8,63% so dự toán 2018; chi sự nghiệp y tế: 1.051 tỷ đồng, tăng 8,29% so dự toán 2018.

2.3. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,2 tỷ đồng, bằng 100% dự toán 2018.

2.4. Dự phòng ngân sách: 234 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2% tổng chi ngân sách địa phương (không bao gồm các khoản chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu).

III. Giải pháp điều hành dự toán thu, chi ngân sách năm 2019:

1. Về thu ngân sách nhà nước:

- Bám sát sự chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài chính và Nghị quyết HĐND tỉnh để triển khai đồng bộ các biện pháp, giải pháp tăng thu, chống thất thu ngân sách. Thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thu, phân tích, đánh giá và dự báo nguồn thu, phân tích cụ thể các nguyên nhân tác động làm tăng, giảm nguồn thu theo từng địa bàn, từng lĩnh vực, từ đó tổng hợp báo cáo kịp thời, đề xuất các giải pháp quản lý có hiệu quả.

- Triển khai cải cách thủ tục hành chính thuế, tập trung vào việc rà soát, loại bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nộp thuế, đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận “một cửa” giải quyết thủ tục hành chính thuế.

- Tổ chức, quản lý chặt chẽ nguồn thu và đối tượng nộp thuế thực tế phát sinh. Tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, ngăn chặn xử lý kịp thời các trường hợp trốn lậu thuế.

- Đẩy mạnh việc thanh tra, kiểm tra, thực hiện rà soát thu hồi nợ đọng thuế, các khoản thu được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,...Thực hiện công khai thông tin người nộp thuế không nộp tiền thuế đúng hạn trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức thu theo Luật định, khai thác tốt các nguồn thu về đất để đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị.

2. Về chi ngân sách địa phương:

2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản:

- Bố trí vốn đầu tư tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của tỉnh.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện nghiêm quy định của Luật đầu tư công và các quy định về quản lý vốn đầu tư, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước. Ưu tiên bố trí thanh toán nợ, tạm ứng ngân sách, nâng chất lượng công tác quản lý, giám sát thi công, tăng cường công tác thanh tra trong và sau đầu tư.

- Chủ đầu tư các dự án thực hiện khối lượng trong phạm vi vốn được giao, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý không để phát sinh nợ đọng khối lượng.

- Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thu tiền bán nền các cụm, tuyến dân cư vượt lũ để đảm bảo nguồn trả nợ vay đầu tư tôn nền cụm, tuyến dân cư vượt lũ cho Ngân hàng Phát triển đúng hạn.

2.2. Chi thường xuyên:

- Các ngành, các cấp ngân sách tổ chức phân bổ và điều hành theo dự toán được duyệt, chủ động sắp xếp những khoản chi đột xuất phát sinh sát với yêu cầu nhiệm vụ, trong phạm vi dự toán được giao; không đề xuất bổ sung dự toán khi chưa thực sự bức thiết và chưa sử dụng hết khoản kinh phí được duyệt. Thực hiện nghiêm chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ cấp thiết để chủ động điều hành.

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn thực hiện phân bổ và giao dự toán theo đúng thời gian quy định, đối với dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo không được thấp hơn chỉ tiêu HĐND, UBND tỉnh giao.

- Thực hiện nghiêm việc công khai dự toán và quyết toán hàng năm của từng cấp ngân sách, từng cơ quan, đơn vị, nhằm tăng cường quyền giám sát của nhân dân, cán bộ công chức trong đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước, Thanh tra nhà nước trong việc quản lý sử dụng ngân sách, quản lý sử dụng tài sản công.

*** Trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phê chuẩn:**

- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương theo các Biểu số 01, 02, 03 và 04 đính kèm.

- Phân bổ ngân sách địa phương theo các Biểu số 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13 đính kèm.

- Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố theo Biểu số 14 đính kèm. /.

Nơi nhận:

- TT. TU, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- Sở: TC, KH&ĐT;
- VPUBND tỉnh: CVP, P. KTTH & TH;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nung

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

DVT: triệu đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2018		Ước TH năm 2018	% UTH so dự toán địa phương	% TH so cùng kỳ	DỰ TOÁN 2019		% DT 2019 so UTH 2018
	TW	ĐP				TW	ĐP	
1	2	3	4	5=4/3%	6	7	8	9=8/4%
A. TỔNG THU NSNN TỪ KINH TẾ ĐỊA BÀN (I+II)	5.445.000	5.700.000	5.866.000	102,91	98,54	5.979.500	6.080.000	103,65
I. THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	160.000	160.000	166.000	103,75	99,77	176.500	176.500	106,33
II. THU NỘI ĐỊA	5.285.000	5.540.000	5.700.000	102,89	98,50	5.803.000	5.903.500	103,57
Không kể thu xổ số kiến thiết, tiền sử dụng đất	3.668.000	3.923.000	3.864.000	98,50	109,62	4.103.000	4.203.500	108,79
1. Thu từ DNNN trung ương	365.000	365.000	240.200	65,81	92,29	250.000	250.000	104,08
2. Thu từ các DNNN địa phương	665.000	665.000	338.850	50,95	69,36	385.000	385.000	113,62
3. Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	32.000	32.000	38.000	118,75	123,08	32.000	32.000	84,21
4. Thuế ngoài quốc doanh	870.000	870.000	1.047.000	120,34	133,35	1.100.000	1.100.000	105,06
5. Lệ phí trước bạ	265.000	265.000	275.000	103,77	115,27	290.000	290.000	105,45
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			10					
7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	10.000	13.500	135,00	108,29	10.000	10.000	74,07
8. Thuế thu nhập cá nhân	529.000	529.000	475.000	89,79	99,27	520.000	520.000	109,47
9. Thu thuế bảo vệ môi trường	480.000	480.000	590.000	122,92	130,22	810.000	810.000	137,29
- Thu từ hàng hóa NK (TW hưởng 100%)	301.400	301.400	370.520	122,93	130,22	508.680	508.680	137,29
- Thu từ hàng hóa SX trong nước (ĐP hưởng 100%)	178.600	178.600	219.480	122,89	130,22	301.320	301.320	137,29
10. Thu phí và lệ phí	120.000	161.580	210.000	129,97	80,64	225.000	225.000	107,14
- Lệ phí môn bài		21.680	21.680	100,00	98,10		25.155	116,03
- Phí và lệ phí trung ương	30.000	30.000	30.000	100,00	78,58	35.000	35.000	116,67
- Phí và lệ phí tỉnh		35.000	63.920	182,63	385,48		91.738	143,52
- Phí và lệ phí huyện		65.684	79.500	121,03	79,08		62.958	79,19
- Phí và lệ phí xã		9.216	14.900	161,68	17,94		10.149	68,11
11. Thu tiền sử dụng đất	250.000	250.000	436.000	174,40	118,05	270.000	270.000	61,93
12. Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			15.160					-
13. Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước	80.000	80.000	87.500	109,38	112,25	70.000	70.000	80,00
14. Các khoản thu tại xã (Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản)	25.000	25.000	25.400	101,60	37,45	3.000	3.000	11,81
15. Thu khác	200.000	313.420	373.320	119,11	148,33	285.000	385.500	103,26
- Thu phạt VPHC	136.000	162.190	150.400	92,73	119,37	115.916	158.216	105,20
+ TW hưởng	136.000	136.000	120.000	88,24		115.916	115.916	96,60
+ ĐP hưởng		26.190	30.400	116,07			42.300	139,14
- Thu từ hoạt động CBL, KD trái pháp luật	10.000	10.310	26.400	256,06	146,67	-	32.080	121,52
- Các khoản khác	54.000	140.920	196.520	139,46	182,50	-	195.204	99,33
16. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	22.000	22.000	28.000	127,27	94,85	17.000	17.000	60,71
17. Thu Xổ số kiến thiết	1.367.000	1.367.000	1.400.000	102,41	73,99	1.430.000	1.430.000	102,14
18. Thu cổ tức, lợi nhuận được chia	5.000	105.000	107.060	102,0		106.000	106.000	99,01
III. Thu từ đầu thô								
IV. Thu viện trợ								
B. THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.126.699	13.381.699	13.488.579	-	-	13.373.573	13.474.073	
1. Thu cân đối ngân sách từ kinh tế địa bàn	4.817.600	5.072.600	5.179.480			5.143.404	5.243.904	
2. Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	8.309.099	8.309.099	8.309.099			8.230.169	8.230.169	
a) Bổ sung cân đối	5.998.711	5.998.711	5.998.711			6.118.711	6.118.711	
b) Bổ sung tiền lương	123.058	123.058	123.058			340.716	340.716	
c) Bổ sung có mục tiêu	2.174.750	2.174.750	2.174.750			1.762.600	1.762.600	
- Chương trình mục tiêu quốc gia	158.376	158.376	158.376			230.101	230.101	
+ Chương trình giảm nghèo bền vững	40.176	40.176	40.176			42.401	42.401	
+ Chương trình xây dựng nông thôn mới	118.200	118.200	118.200			187.700	187.700	
- Các mục tiêu khác	2.016.374	2.016.374	2.016.374			1.532.499	1.532.499	
d) Bổ sung vốn phân giới cắm mốc	12.580	12.580	12.580			8.142	8.142	
BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	93.500	93.500				17.400	17.400	
+ Thu cân đối NSĐP (không kể số BSMT từ NSTW)	10.939.369	11.194.369				11.602.831	11.703.331	
+ Chi cân đối NSĐP	10.845.869	11.100.869				11.585.431	11.685.931	

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 2018
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019**

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG	DT HĐND tỉnh giao năm 2018	Ước TH năm 2018	% ƯTH SO		DT năm 2019	DT 2019 so DT 2018	
			Dự toán 4=3/2%	Cùng kỳ 5		Tỷ lệ % 7=6/2%	Tuyệt đối 8=6-2
1	2	3	4	5	6	7	8
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.288.199	13.457.700	101,28	113,49	13.456.673	101,27	168.474
I. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	4.500.041	4.617.530	102,61	130,45	4.034.290	89,65	(465.751)
1) Chi đầu tư XDCB	4.412.941	4.531.530	102,69	128,76	4.009.890	90,87	(403.051)
a. Nguồn vốn tập trung trong nước	1.133.880	1.077.200	95,00	90,09	1.228.391	108,34	94.511
b. Nguồn thu tiền sử dụng đất	250.000	237.500	95,00	225,50	270.000	108,00	20.000
c. Nguồn xổ số kiến thiết	1.367.000	1.869.500	136,76	124,06	1.430.000	104,61	63.000
d. Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu	1.662.061	1.347.330	81,06	189,37	1.081.499	65,07	(580.562)
d.1 Nguồn bổ sung có mục tiêu	1.552.867	1.250.300	80,52	189,89	913.055	58,80	(639.812)
- Vốn ngoài nước	523.025	406.500	77,72	151,27	553.475	105,82	30.450
- Vốn trong nước	359.542	354.560	98,61	90,25	359.580	100,01	38
- Vốn trái phiếu Chính phủ	670.300	489.240	72,99	312,93	-	-	(670.300)
d.2 Chương trình mục tiêu	109.194	97.030	88,86	182,93	168.444	154,26	59.250
- CT giảm nghèo bền vững	24.394	-	-	-	26.544	108,81	2.150
- CT xây dựng nông thôn mới	84.800	-	-	-	141.900	167,33	57.100
2) Trả nợ lãi vay	1.100				4.400	400,00	3.300
3) Chi bổ sung vốn điều lệ Quỹ BVMT	86.000	86.000	100,00		20.000	23,26	(66.000)
II. CHI THUỞNG XUYỀN	8.564.788	8.839.000	103,20	106,27	9.187.493	107,27	622.705
1) Chi sự nghiệp kinh tế	1.018.261	1.086.000	106,65	101,81	1.100.274	108,05	82.013
- Chi SN nông nghiệp	88.610	90.000	101,57	100,44	90.178	101,77	1.568
- Chi SN lâm nghiệp	7.058	8.000	113,35	81,63	7.830	110,94	772
- Chi SN thủy lợi	205.012	210.000	102,43	97,22	232.807	113,56	27.795
- Chi SN địa chính	15.790	16.000	101,33	106,67	15.790	100,00	-
- Chi SN giao thông	82.300	119.000	144,59	73,53	130.162	158,16	47.862
- Chi SN kiến thiết thị chính, chỉnh trang đô thị	147.470	160.000	108,50	110,34	170.715	115,76	23.245
- Chi công tác ATGT	66.036	67.000	101,46	98,53	76.362	115,64	10.326
- Chi hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	251.575	260.000	103,35	115,56	251.575	100,00	-
- Chi hoạt động phân giới cắm mốc	12.580	12.580	100,00	146,28	8.142	64,72	(4.438)
- Chi SN công nghệ TT	13.494	13.500	100,04	99,86	18.850	139,69	5.356
- Chi quy hoạch, SN kinh tế khác	128.336	129.920	101,23	101,65	97.863	76,26	(30.473)
2) Chi sự nghiệp văn xã	5.293.597	5.431.150	102,60	107,62	5.706.696	107,80	413.099
- Chi SN giáo dục và đào tạo	3.483.412	3.570.450	102,50	112,19	3.783.935	108,63	300.523
- Chi SN y tế	970.743	978.270	100,78	199,84	1.051.178	108,29	80.435
- Chi SN khoa học và công nghệ	75.943	76.000	100,08	217,67	33.302	43,85	(42.641)
- Chi SN văn hóa	99.913	101.000	101,09	94,95	97.701	97,79	(2.212)
- Chi SN phát thanh - truyền hình	29.880	30.320	101,47	98,22	31.014	103,80	1.134
- Chi SN thể dục - thể thao	71.110	72.000	101,25	103,22	80.528	113,24	9.418
- Chi đảm bảo xã hội	502.596	603.110	120,00	83,98	569.038	113,22	66.442
3) Chi quản lý hành chính	1.485.159	1.515.000	102,01	97,28	1.554.650	104,68	69.491
4) Chi an ninh, quốc phòng	328.169	360.980	110,00	92,48	348.105	106,08	19.937
5) Chi hoạt động môi trường	172.127	172.100	99,98	80,07	181.625	105,52	9.498
6) Chi khác ngân sách	197.201	203.500	103,19	51,47	206.082	104,50	8.881
7) Chi mục tiêu từ ngân sách TW bổ sung	70.274	70.270	99,99	115,39	90.061	128,16	19.787
a) Chương trình mục tiêu quốc gia:	49.182	49.180	100,00		61.657	125,36	12.475
- CT giảm nghèo bền vững	15.782	15.780	99,99		15.857	100,48	75
- CT Nông thôn mới	33.400	33.400	100,00		45.800	137,13	12.400
b) Chương trình mục tiêu khác (NQ73)	21.092	21.090	99,99		28.404	134,67	7.312
- Tái CCNN và PC giảm nhẹ TT, ổn định ĐSDC	3.000	3.000	100,00		3.000	100,00	
- PT lâm nghiệp bền vững	800	800	100,00		900	112,50	
- Y tế dân số	7.611	7.611	100,00		6.655	87,44	
- Văn hóa	568	568	100,00		878	154,58	
- GD Nghiệp vụ và Viêm ATLĐ	5.647	5.646	99,98		9.925	175,76	
- PT hệ thống trợ giúp xã hội	1.566	1.565	99,94		2.696	172,16	
- ATGT, PCCC, Tội phạm MT	1.900	1.900	100,00		1.950	102,63	
- Ứng phó biến đổi khí hậu	-	-			400		
- Công nghệ thông tin					2.000		
III. CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	1.170	1.170	100,00	100,00	1.170	100,00	-
IV. DỰ PHÒNG	222.200				233.720		11.520